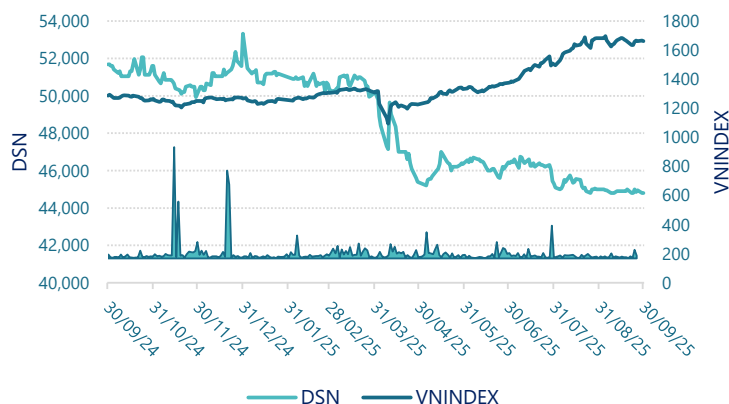


CTCP Công viên nước Đầm Sen (HSX: DSN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	44,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	53,324
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,800
SL cổ phiếu LH	12,083,009
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,620
% sở hữu nước ngoài	15.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	541
P/E	7.6
EPS	5,869

DT thuần

Q3/25

60.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.50 | -11.1%

YoY: ▼4.60 | -7.1%

LN sau thuế

Q3/25

26.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.10 | -4.0%

YoY: ▼2.60 | -8.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

55.0%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

9T 2025

166

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.0 | -17.5%

LN sau thuế

9T 2025

62.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.8 | -25.7%

ROE

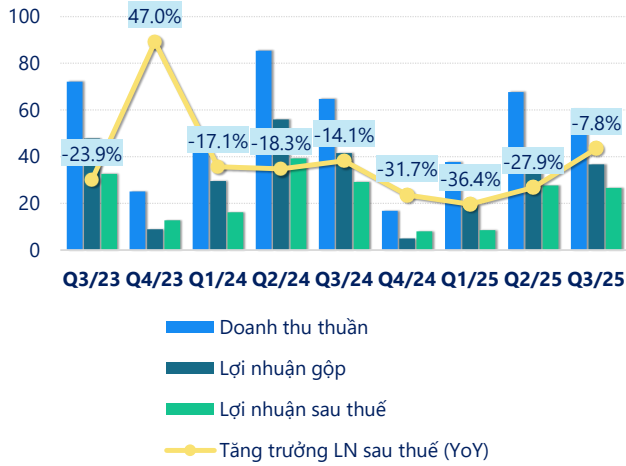
Q3/25

20.8%

+/- YoY: ▼ 9.6%

tỷ VNĐ

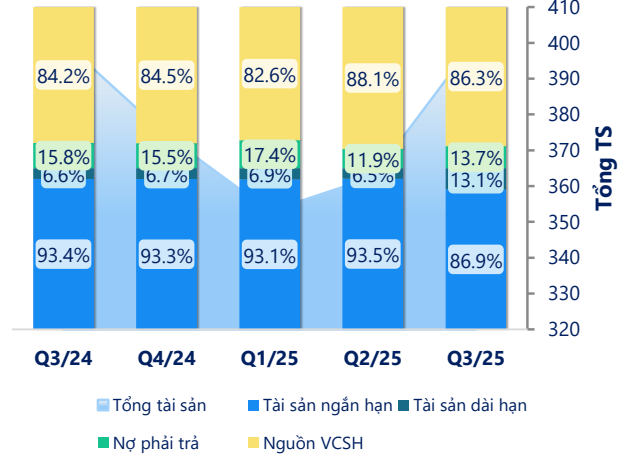
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

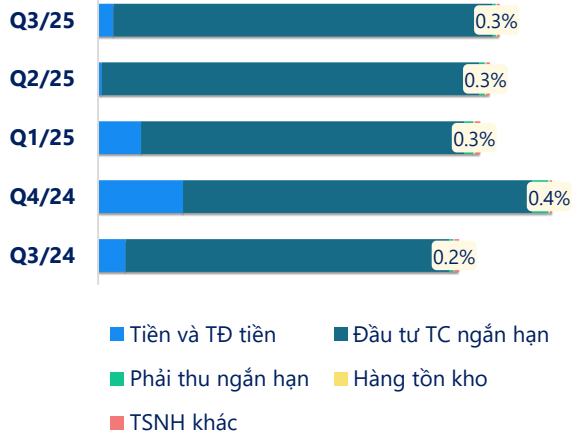
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



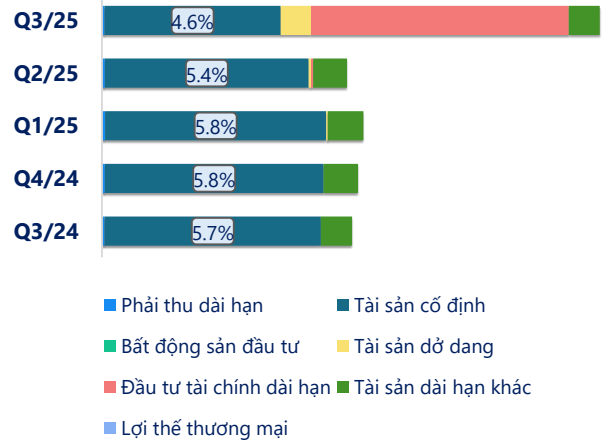
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

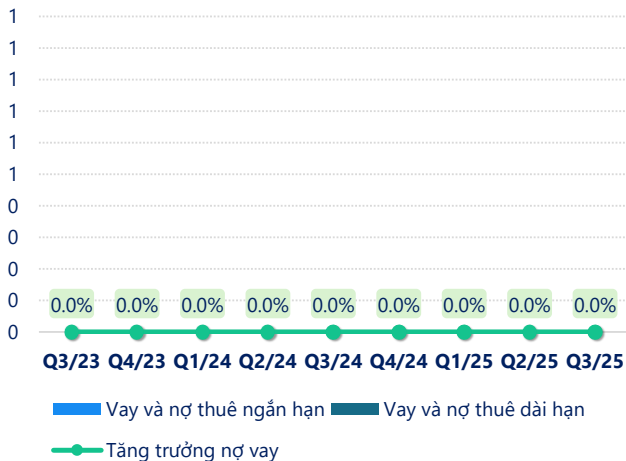
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

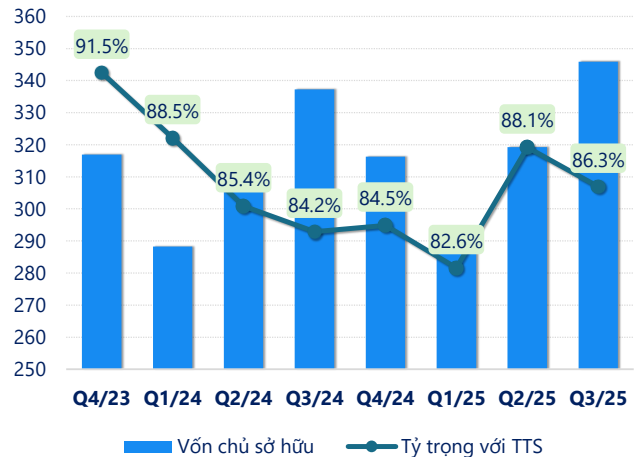
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

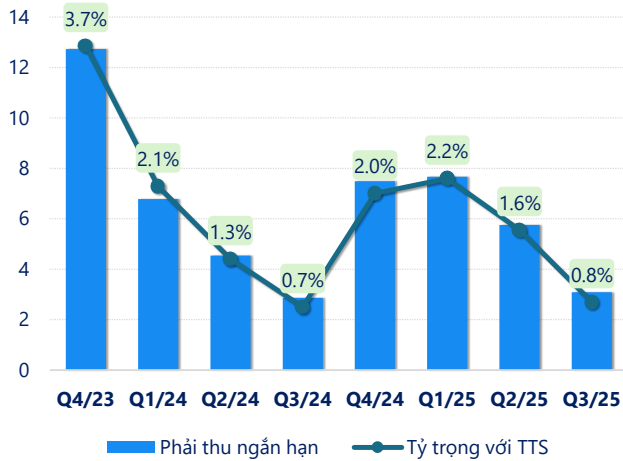
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



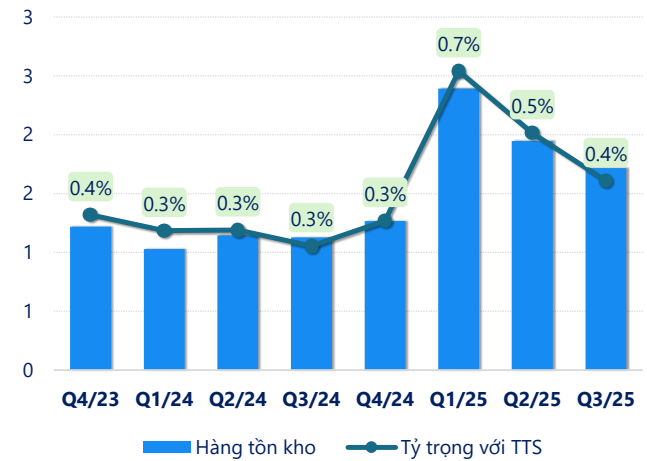
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


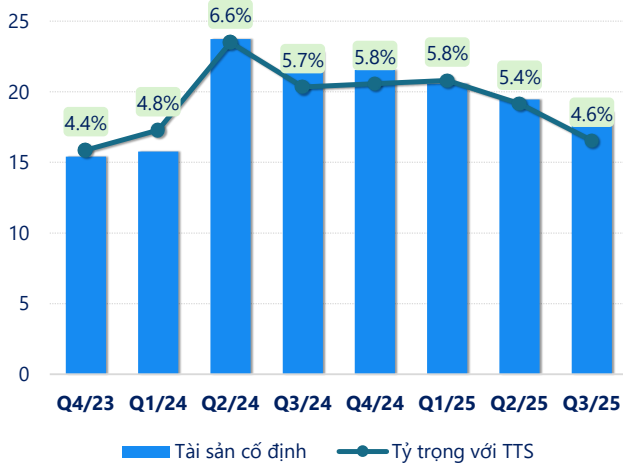
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


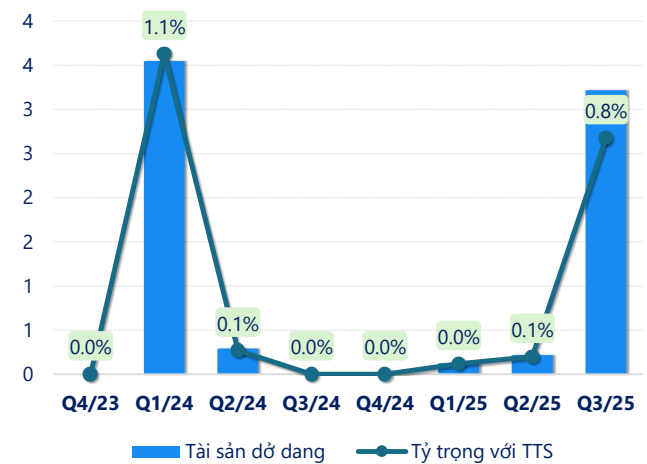
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

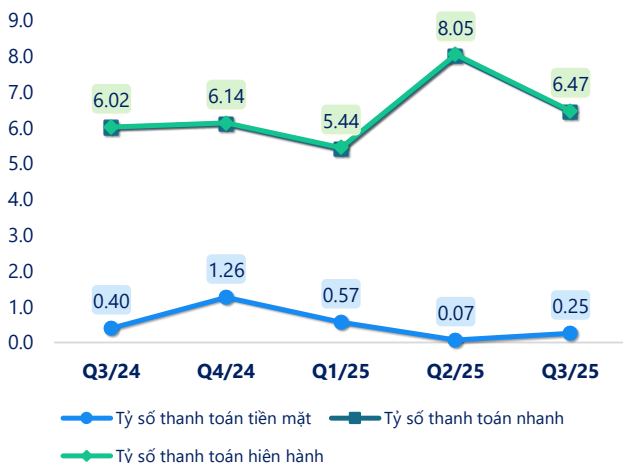
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

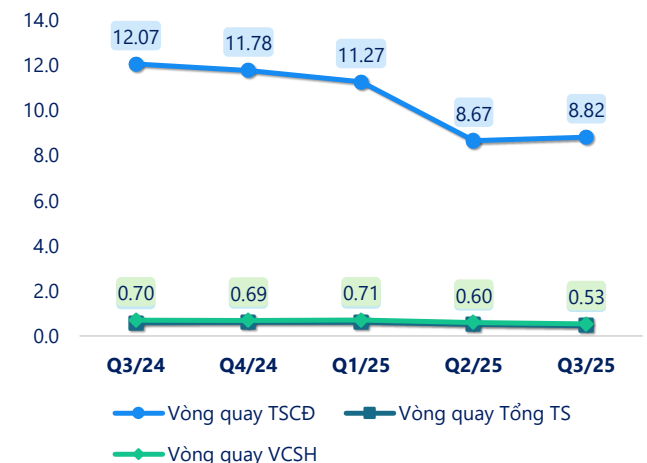
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	400	374	353	363	401
Tài sản ngắn hạn	374	349	329	339	348
Tiền và tương đương tiền	24.8	71.7	34.3	2.94	13.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	343	267	282	327	328
Phải thu ngắn hạn	2.87	7.49	7.67	5.76	3.09
Hàng tồn kho	1.13	1.27	2.39	1.95	1.72
Tài sản ngắn hạn khác	2.34	1.85	2.09	1.81	1.61
Tài sản dài hạn	26.4	25.2	24.3	23.4	52.5
Phải thu dài hạn	0.29	0.29	0.29	0.29	0.29
Tài sản cố định	22.8	21.5	20.6	19.5	18.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.13	0.22	3.22
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0.20	27.2
Tài sản dài hạn khác	3.28	3.39	3.31	3.24	3.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	63.1	57.9	61.4	43.3	55.0
Nợ ngắn hạn	62.1	56.8	60.4	42.1	53.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.99	0.75	2.86	1.95	1.63
Nợ dài hạn	0.98	1.06	1.06	1.14	1.14
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	337	316	292	319	346
Vốn chủ sở hữu	337	316	292	319	346
Vốn điều lệ	121	121	121	121	121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)